TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 238/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 17 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 413/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thu T, sinh năm 1999
- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1993

Cùng trú tại: Thôn V, xã B, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thu T. Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2019 ngày 23/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: có 02 con chung họ tên các cháu là Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/12/2018; cháu Nguyễn Gia P1, sinh ngày 11/01/2022; sau ly hôn anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là các cháu là Nguyễn Văn P, cháu Nguyễn Gia P1 cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

b. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: chị Trần Thu T nhận nộp 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003853 ngày 09/9/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai; Thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả lại cho chị Trần Thị T1 số tiền nộp tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS TP Đồng Nai;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (8).

THẨM PHÁN

LƯU THÙY LINH